TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS -ST
Ngày 30/8/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Tài Định;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công K vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-DS ngày 02/5/2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST- DS ngày 31/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2019/QĐST-DS ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP PĐ (Ngân hàng)

Địa chỉ: Số A, đường L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, địa chỉ: Số B đường M, pH T, quận M, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Hoàng Thái D, chức vụ: Quyền Giám đốc Trung tâm kinh doanh bán lẻ-Ngân hàng chi nhánh QNg, địa chỉ: Số C đường H, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 48/2016/UQ-

CT.HĐQT ngày 02/11/2016). Ông D ủy quyền lại cho ông Phạm Phúc Quang T1, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ, địa chỉ: Số C đường H, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 17/2019/GUQ-CNQN ngày 23/4/2019), ông T1 có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Vũ Minh D1 sinh năm 1989 và bà Huỳnh Thị Thu H sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, pH Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn K sinh năm 1959 và bà Võ Thị Y sinh năm 1956
- Ông Lê Vũ Minh T2 sinh năm 1987
- Chị Lê Vũ Thị Hồng T3 sinh năm 1991
- Anh Lê Vũ Trường G sinh năm 1994
- Chị Tôn Thị Thanh T4 sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Ngày 10/5/2016 Ngân hàng đã ký với ông Lê Vũ Minh D1, bà Huỳnh Thị Thu H hợp đồng tín dụng số 0157/2016/HĐTD-CN, Ngân hàng cho ông D1, bà H vay tổng số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay lần đầu, mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất vay: 9,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Phương thức vay: Trả góp (gốc và lãi trả hàng tháng); Ông D1 và bà H đã ký tên vào Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay của ông D1 và bà H, Ngân hàng đã ký với ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0157/2016/BĐ ngày 10/5/2016, công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 10/5/2016, đăng ký thế chấp ngày 10/5/2016 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,04m^2 tại phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban

nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00651 ngày 15/5/2006 cho ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y. Phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm, các tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, ông D1 và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 30/8/2019, ông D1 và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 287.182.167 đồng, trong đó nợ gốc là 220.954.174 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.062.777 đồng, nợ lãi quá hạn 27.165.216 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông D1 và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 287.182.167 đồng (tạm tính đến 30/8/2019), ông D1 và bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 31/8/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông D1 và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y theo hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông D1 và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2019 ông Lê Vũ Minh D1 trình bày:*

Ông Lê Vũ Minh D1 thống nhất về việc ông và bà Huỳnh Thị Thu H có ký hợp đồng tín dụng số 0157/2016/HĐTD-CN ngày 10/5/2016 với Ngân hàng. Ông D1 thống nhất ông và bà H có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 270.749.582 đồng; trong đó nợ gốc là 220.954.174 đồng, nợ lãi là 49.795.408 đồng tạm tính đến ngày 03/4/2019; trong trường hợp ông và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì ông thống nhất giao Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông K và bà Y để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì ông và bà H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2019 bà Võ Thị Y trình bày:*

Để đảm bảo khoản vay của ông Lê Vũ Minh D1 và bà Huỳnh Thị Thu H tại Ngân hàng, bà và ông Lê Văn K đã ký hợp đồng thế chấp số 0157/2016/BĐ ngày 10/5/2016, thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,04m^2 tại phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00651 ngày 15/5/2006 cho ông Lê Văn K và bà

Võ Thị Y cho Ngân hàng. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/5/2006 diện tích thửa đất 196 được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp là 282,54m^2 đất ở đô thị nhưng ngày 20/11/2016 bà và ông K đã chuyển nhượng cho ông Võ Thành T5 108,5m^2 đất nên diện tích còn lại là 174,04m^2 đúng như diện tích đất Ngân hàng nhận thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký. Nhà cấp IV xây dựng trên đất và toàn bộ công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng và các tài sản gắn liền với diện tích đất đều thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp ông D1 và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, ngôi nhà cấp IV thuộc tài sản thế chấp gồm có: Bà Y, ông Lê Vũ Minh T2, chị Lê Vũ Hồng T3, anh Lê Vũ Trường G (đều là con ruột bà Y), chị Trần Thị Thanh T4 (con dâu bà Y, vợ của ông T2) hiện đang sinh sống. Sau khi thế chấp cho Ngân hàng, ông K và bà Y không sửa chữa hay thay đổi gì tài sản thế chấp, những người con được ở trong nhà không đóng góp gì trong việc tạo lập, duy trì, hình thành tài sản thế chấp.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K, ông Lê Vũ Minh T2, chị Lê Vũ Thị Hồng T3, anh Lê Vũ Trường G, chị Tôn Thị Thanh T4 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gởi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tống đạt các văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D1 và bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền (tạm tính đến 30/8/2019) 287.182.167 đồng*;* trong đó nợ gốc là 220.954.174 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.062.777 đồng, nợ lãi quá hạn 27.165.216 đồng;

Ông D1 và bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 31/8/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông D1 và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành

án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông D1 và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ, ông D1 và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Huỳnh Thị Thu H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K, ông Lê Vũ Minh T2, chị Lê Vũ Thị Hồng T3, anh Lê Vũ Trường G, chị Tôn Thị Thanh T4 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Lê Vũ Minh D1 và bà Huỳnh Thị Thu H phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án và ông Lê Vũ Minh D1 thừa nhận thì Ngân hàng và ông Lê Vũ Minh D1, bà Huỳnh Thị Thu H đã ký hợp đồng tín dụng số 0157/2016/HĐTD-CN ngày 10/5/2016, ông D1 và bà H vay của Ngân hàng 300.000.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tạm tính đến ngày 30/8/2019 ông D1 và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 287.182.167 đồng; trong đó nợ gốc là 220.954.174 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.062.777 đồng, nợ lãi quá hạn 27.165.216 đồng;

Ông D1 thống nhất có vay và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, bà H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc Ngân hàng khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công K chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những T4 tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh nên Ngân hàng yêu cầu ông D1 và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi là 287.182.167 đồng tính đến ngày 30/8/2019 và tiền lãi phát sinh trên

dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 31/8/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay của ông D1 và bà H thì ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0157/2016/BĐ ngày 10/5/2016, công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 10/5/2016, đăng ký thế chấp ngày 10/5/2016 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,04m^2 tại pH Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00651 ngày 15/5/2006 cho ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y. Phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm, các tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, bà Y xác định tài sản thế chấp là của ông K và bà Y tự nguyện thế chấp cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà ông D1 và bà H đã ký với Ngân hàng. Ông K đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc Ngân hàng khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công K chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày. Theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự thì những T4 tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông D1 và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông D1 và bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông D1 và bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông D1 và bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông D1 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PĐ. Buộc ông Lê Vũ Minh D1 và bà Huỳnh Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP PĐ tổng số tiền nợ 287.182.167 đồng*;* trong đó nợ gốc là 220.954.174 đồng, nợ lãi trong hạn là 39.062.777 đồng, nợ lãi quá hạn 27.165.216 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 30/8/2019).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông D1 và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông D1 và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP PĐ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, tường gạch, nền lót gạch hoa, mái lợp tôn, mái hiên hợp tôn, cửa sắt, không có cổng (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/5/2019) tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,04m^2 tại phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00651 ngày 15/5/2006 cho ông Lê Văn K và bà Võ Thị Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0157/2016/BĐ ngày 10/5/2016, công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 10/5/2016, đăng ký thế chấp ngày 10/5/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP PĐ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông D1 và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP PĐ cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Ông Lê Vũ Minh D1 và bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP PĐ đã tạm ứng số tiền trên và đã chi phí xong nên buộc ông D1 và bà H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP PĐ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D1 và bà H phải chịu 14.359.108 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn, một trăm lẻ tám đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP PĐ số tiền 6.768.739 đồng (Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001191 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** *Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly